

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

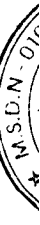
(đã được kiểm toán)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

| | Trang |
|---|--------------|
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 02-03 |
| Báo cáo kiểm toán độc lập | 04-05 |
| Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán | 06-43 |
| Bảng cân đối kế toán | 06-07 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 08 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | 09-10 |
| Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng | 11-43 |



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 08 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 16 tháng 09 năm 2015.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

| | |
|-------------------------|------------|
| Ông Nguyễn Hoa Cương | Chủ tịch |
| Ông Nguyễn Trọng Tiểu | Thành viên |
| Ông Phạm Mạnh Hà | Thành viên |
| Ông Đỗ Văn Chính | Thành viên |
| Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc | Thành viên |

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

| | |
|-----------------------|--|
| Ông Nguyễn Trọng Tiểu | Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Tiến Vinh | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Đỗ Văn Chính | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Phạm Tuấn Anh | Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng |

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

| | |
|-------------------------|------------|
| Bà Nguyễn Thị Thanh Yên | Trưởng ban |
| Bà Trương Thị Hương Lan | Thành viên |
| Ông Bạch Thành Nam | Thành viên |

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trọng Tiểu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2016

Số: 104/2016/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được lập ngày 27 tháng 01 năm 2016, từ trang 06 đến trang 43, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Thanh Tùng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0063-2013-002-1

Vũ Xuân Biên
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 18 tháng 02 năm 2016

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | 31/12/2015 | 01/01/2015 |
|-------|--|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | VND | VND |
| 100 | A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 1.144.269.067.995 | 966.394.793.356 |
| 110 | I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 3 | 121.223.651.001 | 328.491.195.250 |
| 111 | 1. Tiền | | 81.223.651.001 | 158.485.086.006 |
| 112 | 2. Các khoản tương đương tiền | | 40.000.000.000 | 170.006.109.244 |
| 120 | II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 4 | 345.000.000.000 | 147.661.751.062 |
| 123 | 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | | 345.000.000.000 | 147.661.751.062 |
| 130 | III. Các khoản phải thu ngắn hạn | | 523.194.428.297 | 411.373.525.949 |
| 131 | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 5 | 361.641.437.848 | 266.910.356.785 |
| 132 | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | | 12.900.612.693 | 13.033.548.054 |
| 135 | 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 6 | 137.885.120.000 | 133.620.470.000 |
| 136 | 4. Phải thu ngắn hạn khác | 7 | 18.431.917.350 | 5.043.127.630 |
| 137 | 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | | (7.680.743.874) | (7.250.060.800) |
| 139 | 6. Tài sản thiếu chờ xử lý | | 16.084.280 | 16.084.280 |
| 140 | IV. Hàng tồn kho | 9 | 144.613.856.313 | 78.759.122.848 |
| 141 | 1. Hàng tồn kho | | 144.613.856.313 | 78.759.122.848 |
| 150 | V. Tài sản ngắn hạn khác | | 10.237.132.384 | 109.198.247 |
| 152 | 1. Thuế GTGT được khấu trừ | | 10.227.499.434 | 99.565.297 |
| 153 | 2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 14 | 9.632.950 | 9.632.950 |
| 200 | B. TÀI SẢN DÀI HẠN | | 1.208.201.957.221 | 1.142.044.024.226 |
| 210 | I. Các khoản phải thu dài hạn | | - | 66.048.000 |
| 216 | 1. Phải thu dài hạn khác | 7 | - | 66.048.000 |
| 220 | II. Tài sản cố định | | 469.522.667.273 | 132.075.661.062 |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | 11 | 469.522.667.273 | 132.062.327.738 |
| 222 | - Nguyên giá | | 694.910.567.055 | 325.154.314.764 |
| 223 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (225.387.899.782) | (193.091.987.026) |
| 227 | 2. Tài sản cố định vô hình | | - | 13.333.324 |
| 228 | - Nguyên giá | | 60.000.000 | 60.000.000 |
| 229 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (60.000.000) | (46.666.676) |
| 240 | IV. Tài sản dở dang dài hạn | 10 | 24.885.835.408 | 301.443.683.009 |
| 242 | 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | | 24.885.835.408 | 301.443.683.009 |
| 250 | V. Đầu tư tài chính dài hạn | 4 | 682.050.850.059 | 687.008.177.059 |
| 251 | 1. Đầu tư vào công ty con | | 492.960.564.527 | 595.712.034.099 |
| 252 | 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | | 189.090.285.532 | 91.296.142.960 |
| 260 | VI. Tài sản dài hạn khác | | 31.742.604.481 | 21.450.455.096 |
| 261 | 1. Chi phí trả trước dài hạn | 12 | 31.742.604.481 | 21.450.455.096 |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 2.352.471.025.216 | 2.108.438.817.582 |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | 31/12/2015 | 01/01/2015 |
|-------|--|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | VND | VND |
| 300 | C. NỢ PHẢI TRẢ | | 397.423.826.482 | 437.148.720.020 |
| 310 | I. Nợ ngắn hạn | | 309.698.414.276 | 379.111.046.095 |
| 311 | 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 13 | 212.733.705.406 | 203.571.131.270 |
| 312 | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | | 626.980.260 | 3.224.788.793 |
| 313 | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 14 | 4.850.479.995 | 24.031.264.051 |
| 314 | 4. Phải trả người lao động | | 34.954.535.859 | 30.130.004.009 |
| 315 | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | | 351.500.000 | 388.000.000 |
| 318 | 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 15 | 1.367.584.028 | 40.819.935.591 |
| 319 | 7. Phải trả ngắn hạn khác | 16 | 39.007.134.093 | 59.521.289.746 |
| 322 | 8. Quỹ khen thưởng phúc lợi | | 15.806.494.635 | 17.424.632.635 |
| 330 | II. Nợ dài hạn | | 87.725.412.206 | 58.037.673.925 |
| 336 | 1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 15 | 36.865.162.057 | 9.945.550.193 |
| 337 | 2. Phải trả dài hạn khác | 16 | 6.200.875.882 | 4.697.579.662 |
| 342 | 3. Dự phòng phải trả dài hạn | 17 | 35.489.024.271 | 34.139.544.070 |
| 343 | 4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | | 9.170.349.996 | 9.255.000.000 |
| 400 | D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 1.955.047.198.734 | 1.671.290.097.562 |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | 18 | 1.952.510.962.625 | 1.670.036.521.349 |
| 411 | 1. Vốn góp của chủ sở hữu | | 1.550.000.000.000 | 1.400.000.000.000 |
| 411a | <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i> | | 1.550.000.000.000 | 1.400.000.000.000 |
| 412 | 2. Thặng dư vốn cổ phần | | 66.378.000.000 | - |
| 415 | 3. Cổ phiếu quỹ | | (5.025.000.000) | (5.025.000.000) |
| 418 | 4. Quỹ đầu tư phát triển | | 62.000.000.000 | 32.500.000.000 |
| 421 | 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | 279.157.962.625 | 242.561.521.349 |
| 421a | <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i> | | 29.506.521.349 | 11.528.471.970 |
| 421b | <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i> | | 249.651.441.276 | 231.033.049.379 |
| 430 | II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | | 2.536.236.109 | 1.253.576.213 |
| 431 | 1. Nguồn kinh phí | | - | (1.437.626.564) |
| 432 | 2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | | 2.536.236.109 | 2.691.202.777 |
| 440 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 2.352.471.025.216 | 2.108.438.817.582 |

(Signature)

(Signature)



Đoàn Thị Lan Phương
Người lập

Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng

Nguyễn Trọng Tiểu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2016

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2015

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm 2015 | Năm 2014 |
|-------|--|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | VND | VND |
| 01 | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | 1.357.283.426.331 | 1.283.672.651.858 |
| 02 | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 21 | 7.207.354.930 | 8.151.897.005 |
| 10 | 3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 1.350.076.071.401 | 1.275.520.754.853 |
| 11 | 4. Giá vốn hàng bán | 22 | 1.139.357.295.319 | 1.045.163.800.334 |
| 20 | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 210.718.776.082 | 230.356.954.519 |
| 21 | 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 23 | 156.149.387.465 | 152.197.783.442 |
| 22 | 7. Chi phí tài chính | 24 | 971.650.284 | (13.858.669.689) |
| 23 | Trong đó: Chi phí lãi vay | | 556.154.000 | 194.258.129 |
| 25 | 8. Chi phí bán hàng | 25 | 20.559.666.575 | 33.191.081.912 |
| 26 | 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 62.162.978.295 | 55.271.429.545 |
| 30 | 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | | 283.173.868.393 | 307.950.896.193 |
| 31 | 11. Thu nhập khác | | 296.526.042 | 4.250.604.698 |
| 32 | 12. Chi phí khác | | 319.553.766 | 40.716.704.426 |
| 40 | 13. Lợi nhuận khác | | (23.027.724) | (36.466.099.728) |
| 50 | 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 283.150.840.669 | 271.484.796.465 |
| 51 | 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 27 | 33.499.399.393 | 40.451.747.086 |
| 52 | 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | - | - |
| 60 | 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | <u>249.651.441.276</u> | <u>231.033.049.379</u> |

Đoàn Thị Lan Phương
Người lậpPhạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng
Nguyễn Trọng Tiêu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2015

(Theo phương pháp trực tiếp)

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm 2015 | Năm 2014 |
|--|---|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | VND | VND |
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| 01 | 1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | | 1.373.904.857.936 | 1.429.704.726.236 |
| 02 | 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ | | (1.275.222.922.093) | (1.167.105.470.075) |
| 03 | 3. Tiền chi trả cho người lao động | | (70.165.531.528) | (59.500.110.584) |
| 04 | 4. Tiền lãi vay đã trả | | (556.154.000) | (194.258.129) |
| 05 | 5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | | (52.949.143.879) | (28.979.831.009) |
| 06 | 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | | 31.146.116.656 | 12.009.489.169 |
| 07 | 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | | (114.598.969.944) | (71.620.794.395) |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | | (108.441.746.852) | 114.313.751.213 |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| 21 | 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | | (95.370.629.264) | (56.481.682.118) |
| 22 | 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | | - | 4.442.283.547 |
| 23 | 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | | (277.482.014.011) | (42.661.479.020) |
| 24 | 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | | 75.879.115.073 | 100.000.000.000 |
| 26 | 5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | - | 73.517.183.000 |
| 27 | 6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | | 149.704.055.431 | 155.867.488.911 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | | (147.269.472.771) | 234.683.794.320 |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| 31 | 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | | 216.510.000.000 | - |
| 33 | 2. Tiền thu từ đi vay | | 39.170.470.231 | 14.953.211.660 |
| 34 | 3. Tiền trả nợ gốc vay | | (39.170.470.231) | (14.953.211.660) |
| 36 | 4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | | (168.077.890.000) | (166.620.730.000) |
| 40 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | | 48.432.110.000 | (166.620.730.000) |

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2015

(Theo phương pháp trực tiếp)

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm 2015 | Năm 2014 |
|-------|---|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | VND | VND |
| 50 | Lưu chuyển tiền thuần trong năm | | (207.279.109.623) | 182.376.815.533 |
| 60 | Tiền và tương đương tiền đầu năm | | 328.491.195.250 | 146.112.536.235 |
| 61 | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | | 11.565.374 | 1.843.482 |
| 70 | Tiền và tương đương tiền cuối năm | 3 | <u>121.223.651.001</u> | <u>328.491.195.250</u> |

Đoàn Thị Lan Phương
Người lập

Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Trọng Tiểu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2015

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 08 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 16 tháng 09 năm 2015.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo đăng ký là 1.550.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 1.550.000.000.000 đồng; tương đương 155.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Thiết kế chế tạo, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thiết bị đo điện mang thương hiệu GELEX-EMIC như: Công tơ điện 1 pha, 3 pha cơ khí; Công tơ điện tử thông minh 1 pha, 3 pha đa chức năng; Máy biến dòng điện, máy biến điện áp đo lường trung thế, hạ thế và các thiết bị đo điện điện tử khác. Kinh doanh dịch vụ khách sạn.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh thiết bị điện dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng;
- Thiết kế, chế tạo, kinh doanh và sửa chữa các thiết bị đo đếm điện một pha, ba pha (có dòng điện một chiều và xoay chiều) các cấp điện áp hạ thế, trung thế và cao thế đến 220KV;
- Thi công, lắp đặt công trình đường dây, trạm biến áp đến 220KV;
- Thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy lợi;
- Kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn, du lịch và cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi, kinh doanh tổ chức dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng máy móc.

Cấu trúc doanh nghiệp

| Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau: | Địa chỉ | Hoạt động kinh doanh chính |
|---|----------------|-----------------------------------|
| Khách sạn Bình Minh - Hà Nội | Hà Nội | Kinh doanh khách sạn |
| Cơ sở sản xuất tại KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn - Tiên Du - Bắc Ninh | Hà Nội | Sản xuất kinh doanh thiết bị điện |

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Tổng Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Tổng Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính riêng đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC, tại Thuyết minh số 34.

2.4 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại Văn phòng Tổng công ty và các đơn vị trực thuộc gồm Cơ sở Sản xuất tại Khu công nghiệp Tiên Du Bắc Ninh và Khách sạn Bình Minh Hà Nội.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của toàn Tổng Công ty.

01111
CÔNG
CH NHIỆM
NG KIẾ
AA
AN KIẾ

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

| | |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 20 - 50 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 03 - 15 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 05 - 10 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 10 năm |
| - Phần mềm quản lý | 03 năm |

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

2.14 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hoá kể từ khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính Tổng Công ty áp dụng tỷ lệ trích lập dự phòng bảo hành hàng hóa 5% trên giá trị hợp đồng căn cứ theo các điều khoản hợp đồng cụ thể.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

2.18 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu nhận trước số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Tổng Công ty phát hành và được Tổng Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông tán thành thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Tổng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Đại hội đồng Cổ đông Tổng Công ty.

2.20 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng có liên quan.

2.21 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là hàng bán bị trả lại.

Các khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.22 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.23 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.24 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.25 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Tổng Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | <u>31/12/2015</u> | <u>01/01/2015</u> |
|---------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 709.824.907 | 1.258.930.321 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 80.513.826.094 | 157.226.155.685 |
| Các khoản tương đương tiền (*) | 40.000.000.000 | 170.006.109.244 |
| | <u>121.223.651.001</u> | <u>328.491.195.250</u> |

(*) Tại 31/12/2015, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất quy định tại từng Ngân hàng ở từng thời điểm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

| | <u>31/12/2015</u> | | <u>01/01/2015</u> | |
|----------------------|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| | <u>Giá gốc</u> | <u>Giá trị ghi sổ</u> | <u>Giá gốc</u> | <u>Giá trị ghi sổ</u> |
| | VND | VND | | VND |
| Đầu tư ngắn hạn | 345.000.000.000 | 345.000.000.000 | 147.661.751.062 | 147.661.751.062 |
| - Tiền gửi có kỳ hạn | 345.000.000.000 | 345.000.000.000 | 147.661.751.062 | 147.661.751.062 |
| | <u>345.000.000.000</u> | <u>345.000.000.000</u> | <u>147.661.751.062</u> | <u>147.661.751.062</u> |

Tại thời điểm 31/12/2015, các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng tại các Ngân hàng thương mại, với lãi suất quy định tại từng Ngân hàng ở từng thời điểm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| | 31/12/2015 | | | 01/01/2015 | | |
|--|------------------------|------------------------|-----------------|------------------------|------------------------|-----------------|
| | Giá gốc VND | Giá trị hợp lý VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Giá trị hợp lý VND | Dự phòng VND |
| Đầu tư vào Công ty con | 492.960.564.527 | 492.960.564.527 | - | 595.712.034.099 | 595.712.034.099 | - |
| - Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam | 220.957.490.174 | 220.957.490.174 | - | 220.957.490.174 | 220.957.490.174 | - |
| - Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội | 214.009.733.181 | 214.009.733.181 | - | 214.009.733.181 | 214.009.733.181 | - |
| - Công ty CP Khí cụ điện 1 | 30.128.906.768 | 30.128.906.768 | - | 30.128.906.768 | 30.128.906.768 | - |
| - Công ty GELEX Cambodia (tên cũ Công ty CP Thiết bị Điện Việt Nam Cambodia) (1) | 531.150.000 | 531.150.000 | - | 5.488.477.000 | 5.488.477.000 | - |
| - Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương (2) | 27.333.284.404 | 27.333.284.404 | - | 27.333.284.404 | 27.333.284.404 | - |
| - Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC (3) | - | - | - | 5.332.103.750 | 5.332.103.750 | - |
| - Công ty CP Thiết bị điện (4) | - | - | - | 92.462.038.822 | 92.462.038.822 | - |
| Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết | 189.090.285.532 | 189.090.285.532 | - | 91.296.142.960 | 91.296.142.960 | - |
| - Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari | 16.777.167.627 | 16.777.167.627 | - | 16.777.167.627 | 16.777.167.627 | - |
| - Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội | 5.233.587.356 | 5.233.587.356 | - | 5.233.587.356 | 5.233.587.356 | - |
| - Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC (3) | 5.332.103.750 | 5.332.103.750 | - | - | - | - |
| - Công ty CP Thiết bị điện (4) | 92.462.038.822 | 92.462.038.822 | - | - | - | - |
| - Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT | 69.285.387.977 | 69.285.387.977 | - | 69.285.387.977 | 69.285.387.977 | - |
| | 682.050.850.059 | 682.050.850.059 | - | 687.008.177.059 | 687.008.177.059 | - |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty vào ngày 31/12/2015 như sau:

| Tên công ty | Nơi thành lập và hoạt động | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ biểu quyết | Hoạt động kinh doanh chính |
|--|----------------------------|---------------|------------------|--|
| Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam | TP. Hồ Chí Minh | 65,006% | 65,006% | Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện |
| Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội | TP. Hà Nội | 65,84% | 65,84% | Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện |
| Công ty CP Khí cụ điện 1 | TP. Hà Nội | 51,03% | 51,03% | Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện |
| Công ty GELEX Cambodia (tên cũ Công ty CP Thiết bị Điện Việt Nam Cambodia) | Phnom Penh, Campuchia | 100,00% | 100,00% | Kinh doanh, phân phối sản phẩm thiết bị điện |
| Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương | Tỉnh Hải Dương | 51,25% | 51,25% | Sản xuất, chế tạo, kinh doanh máy bơm |

(1) Lí do thay đổi đối với khoản đầu tư vào Công ty GELEX Cambodia:

Trong năm Công ty GELEX Cambodia thay đổi Giấy phép đầu tư ra nước ngoài số 754/BKHĐT-ĐTRNN với số vốn điều lệ 25.000 USD, thấp hơn vốn đầu tư ban đầu của Tổng Công ty là 239.500 USD.

(2) Lí do thay đổi đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương:

Trong năm Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương hoàn tất việc phát hành tăng vốn điều lệ từ 27.586.800.000 đồng lên 35.000.000.000 đồng. Do Tổng Công ty không mua thêm cổ phần dẫn đến tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty giảm từ 65,02% xuống 51,25%.

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2015 như sau:

| Tên công ty | Nơi thành lập và hoạt động | Tỷ lệ lợi ích | Tỷ lệ biểu quyết | Hoạt động kinh doanh chính |
|--|----------------------------|---------------|------------------|---|
| Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari | TP. Hà Nội | 34,27% | 34,27% | Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện |
| Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội | TP. Hà Nội | 45,00% | 45,00% | Xây dựng dân dụng và công nghiệp |
| Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC | TP. Hà Nội | 25,50% | 25,50% | Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện |
| Công ty CP Thiết bị điện | Tỉnh Đồng Nai | 43,44% | 43,44% | Sản xuất, chế tạo, kinh |
| Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT | Tỉnh Đồng Nai | 36,35% | 36,35% | Sản xuất dây đồng và dây đồng tráng thiếc |

(3) Lí do thay đổi đối với khoản đầu tư vào Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC

Trong kỳ Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC (EPT) hoàn tất việc phát hành tăng vốn điều lệ từ 10 tỷ đồng lên 20 tỷ đồng. Do Tổng Công ty không mua thêm cổ phần dẫn đến tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty giảm từ 51,00% xuống 25,50%.

(4) Lí do thay đổi đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thiết bị điện:

Trong năm Công ty Cổ phần Thiết bị điện hoàn tất việc phát hành tăng vốn điều lệ từ 120 tỷ đồng lên 180 tỷ đồng. Do Tổng Công ty không mua thêm cổ phần dẫn đến tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty giảm từ 65,16% xuống 43,44%.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong năm: Xem thuyết minh số 33.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

| | 31/12/2015 | 01/01/2015 |
|---|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn | | |
| - Tổng công ty Điện lực Miền Nam TNHH | 67.408.349.632 | 21.728.451.352 |
| - Công ty CP dây cáp điện Việt Nam | 112.572.718.644 | 21.557.796.014 |
| - Tổng Công ty Điện lực miền Bắc | 78.030.669 | 74.617.874.069 |
| - Các khoản phải thu khách hàng khác | 181.582.338.903 | 149.006.235.350 |
| | 361.641.437.848 | 266.910.356.785 |
| b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan | | |
| Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33. | 170.693.555.649 | 68.679.785.234 |

6 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

| | 31/12/2015 | 01/01/2015 |
|--|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam | 95.000.000.000 | 95.000.000.000 |
| Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC | 16.000.000.000 | 6.000.000.000 |
| Công ty CP Khí cụ điện 1 | - | 5.735.350.000 |
| Công ty CP Chế tạo Bom Hải Dương | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 |
| Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari | 12.385.120.000 | 12.385.120.000 |
| Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội | 4.500.000.000 | 4.500.000.000 |
| | 137.885.120.000 | 133.620.470.000 |

Số dư phản ánh các khoản cho vay từ 03 tháng đến 12 tháng với lãi suất cho vay bằng 6%.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

7 . PHẢI THU KHÁC

| | 31/12/2015 | | 01/01/2015 | |
|--|-----------------------|----------|----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| a) Ngắn hạn | | | | |
| - Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay | 5.319.317.210 | - | 1.369.210.007 | - |
| - Phải thu về bảo hiểm xã hội | - | - | 7.773.881 | - |
| - Tạm ứng | 801.695.136 | - | 2.403.780.121 | - |
| - Ký cược, ký quỹ | 22.470.000 | - | 22.470.000 | - |
| - Phải thu Trung tâm hỗ trợ đầu tư và Phát triển khu công nghiệp Bắc Ninh về kinh phí xây dựng hạ tầng | 10.000.000 | - | 1.000.000.000 | - |
| - Tiền mua thêm cổ phần Công ty Cổ phần khí cụ điện 1 | 6.123.660.000 | - | - | - |
| - Phải thu Công ty GELEX Cambodia | 4.957.327.000 | - | - | - |
| - Tạm ứng tiền thưởng HĐQT, ban điều hành đợt 1 năm 2015 | 1.100.000.000 | - | - | - |
| - Phải thu khác | 97.448.004 | - | 239.893.621 | - |
| | 18.431.917.350 | - | 5.043.127.630 | - |
| b) Dài hạn | | | | |
| - Ký cược, ký quỹ | - | - | 66.048.000 | - |
| | - | - | 66.048.000 | - |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**8 . NỢ XẤU**

| | 31/12/2015 | | 01/01/2015 | |
|---|-----------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Tổng Công ty Điện lực Hà Nội | 380.760.781 | 380.760.781 | 380.760.781 | 380.760.781 |
| Công ty CP Vật tư vận tải xây lắp điện lực Miền Trung | 109.774.466 | 109.774.466 | 109.774.466 | 109.774.466 |
| Các khoản khác | 15.805.364.809 | 15.805.364.809 | 13.551.004.712 | 13.551.004.712 |
| | 16.295.900.056 | 16.295.900.056 | 14.041.539.959 | 14.041.539.959 |

Tổng Công ty xác định các khoản nợ xấu đều có khả năng thu hồi do Tổng Công ty vẫn đang tiếp tục thực hiện cung cấp sản phẩm, hàng hóa cho các đối tác.

9 . HÀNG TỒN KHO

| | 31/12/2015 | | 01/01/2015 | |
|-------------------------------------|------------------------|-----------------|-----------------------|-----------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Nguyên liệu, vật liệu | 61.000.123.485 | - | 18.206.616.003 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 824.160.806 | - | 2.637.759.111 | - |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 5.056.533.174 | - | 5.311.230.912 | - |
| Thành phẩm | 77.733.038.848 | - | 52.603.516.822 | - |
| | 144.613.856.313 | - | 78.759.122.848 | - |

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

| | 31/12/2015 | 01/01/2015 |
|---|-----------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 24.806.235.408 | 301.443.683.009 |
| - Văn phòng - Khách sạn tại số 10 Trần Nguyên Hãn, Hà Nội | 4.138.214.910 | 4.138.214.910 |
| - Trụ sở làm việc Tổng Công ty tại 52 Lê Đại Hành, Hà Nội | 4.526.282.862 | 297.305.468.099 |
| - Dự án Đầu tư xây dựng nhà xưởng sản xuất (*) | 16.141.737.636 | - |
| Mua sắm tài sản cố định | 79.600.000 | - |
| | 24.885.835.408 | 301.443.683.009 |

(*) Dự án Đầu tư xây dựng nhà xưởng sản xuất được Tổng Công ty thực hiện từ quý IV năm 2014 và dự kiến hoàn thành đầu năm 2016 với tổng dự toán 29,28 tỷ đồng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

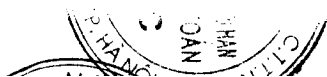
11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|---|------------------------|------------------------|------------------------------------|------------------------------|------------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND |
| Nguyên giá | | | | | |
| Số dư đầu năm | 191.329.812.564 | 122.591.377.205 | 9.434.918.586 | 1.798.206.409 | 325.154.314.764 |
| - Mua trong năm | - | 38.336.319.258 | 8.908.480.000 | - | 47.244.799.258 |
| - Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành (*) | 229.468.916.333 | 10.231.003.923 | - | 82.811.532.777 | 322.511.453.033 |
| Số dư cuối năm | 420.798.728.897 | 171.158.700.386 | 18.343.398.586 | 84.609.739.186 | 694.910.567.055 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | |
| Số dư đầu năm | 105.369.999.296 | 78.692.265.424 | 7.459.773.771 | 1.569.948.535 | 193.091.987.026 |
| - Khấu hao trong năm | 13.732.764.405 | 11.809.896.231 | 1.306.011.755 | 5.447.240.365 | 32.295.912.756 |
| Số dư cuối năm | 119.102.763.701 | 90.502.161.655 | 8.765.785.526 | 7.017.188.900 | 225.387.899.782 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Tại ngày đầu năm | 85.959.813.268 | 43.899.111.781 | 1.975.144.815 | 228.257.874 | 132.062.327.738 |
| Tại ngày cuối năm | 301.695.965.196 | 80.656.538.731 | 9.577.613.060 | 77.592.550.286 | 469.522.667.273 |

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 106.764.758.984 đồng

(*) Tòa nhà Trụ sở Văn phòng Tổng Công ty tại số 52 Lê Đại Hành đang được Tổng Công ty tạm ghi nhận nguyên giá dựa trên phần lớn chi phí xây dựng cơ bản thực tế đã phát sinh với tổng giá trị 322.511.453.033 đồng. Khấu hao tạm trích trong năm đồng thời là khấu hao lũy kế đến 31/12/2015 là 8.904.823.020 đồng. Khi Báo cáo quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành được duyệt, Tổng Công ty sẽ điều chỉnh lại giá tạm tính căn cứ theo giá trị tài sản được duyệt.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

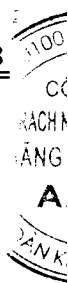
Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

| | 31/12/2015 | 01/01/2015 |
|---------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ | 8.034.397.930 | 792.317.839 |
| Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ | 1.765.980.114 | 261.480.084 |
| Chi phí xây dựng hạ tầng và san nền | 13.276.448.872 | 12.001.250.757 |
| Chi phí thuê đất | 7.589.145.708 | 7.786.080.672 |
| Chi phí trả trước dài hạn khác | 1.076.631.857 | 609.325.744 |
| | <u>31.742.604.481</u> | <u>21.450.455.096</u> |

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | 31/12/2015 | | 01/01/2015 | |
|--|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả | Giá trị | Số có khả năng trả |
| | VND | nợ VND | VND | nợ VND |
| a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn | | | | |
| Công ty TNHH MTV Cadivi Đồng Nai | 24.860.000.000 | 24.860.000.000 | - | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Lạc Hồng | 28.126.311.000 | 28.126.311.000 | 16.924.041.522 | 16.924.041.522 |
| Công ty Cổ phần Dây đồng CFT | 75.512.559.134 | 75.512.559.134 | 110.165.974.693 | 110.165.974.693 |
| Công ty Cổ phần Kim loại màu và nhựa Đồng Việt | 37.372.908.100 | 37.372.908.100 | - | - |
| Phải trả các đối tượng khác | 46.861.927.172 | 46.861.927.172 | 76.481.115.055 | 76.481.115.055 |
| | <u>212.733.705.406</u> | <u>212.733.705.406</u> | <u>203.571.131.270</u> | <u>203.571.131.270</u> |
| b) Phải trả người bán là các bên liên quan | | | | |
| Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33. | <u>118.360.415.492</u> | <u>118.360.415.492</u> | <u>118.793.714.058</u> | <u>118.793.714.058</u> |



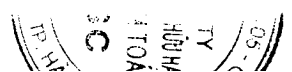
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | Số phải thu đầu năm | Số phải nộp đầu năm | Số phải nộp trong năm | Số đã thực nộp trong năm | Số phải thu cuối năm | Số phải nộp cuối năm |
|--|---------------------|-----------------------|-----------------------|--------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Thuế Giá trị gia tăng | 9.632.950 | - | 18.324.248.538 | 18.324.248.538 | 9.632.950 | - |
| Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu | - | - | 366.495.136 | 366.495.136 | - | - |
| Thuế Thu nhập doanh nghiệp | - | 23.726.493.271 | 33.722.050.001 | 52.949.143.879 | - | 4.499.399.393 |
| Thuế Thu nhập cá nhân | - | 231.457.860 | 2.981.175.004 | 2.861.552.262 | - | 351.080.602 |
| Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất | - | 73.312.920 | 7.089.121.735 | 7.162.434.655 | - | - |
| Các loại thuế khác | - | - | 5.000.000 | 5.000.000 | - | - |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | - | - | 8.445.844 | 8.445.844 | - | - |
| | 9.632.950 | 24.031.264.051 | 62.496.536.258 | 81.677.320.314 | 9.632.950 | 4.850.479.995 |

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

15 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

| | 31/12/2015 | 01/01/2015 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| a) Ngắn hạn | | |
| - Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng | 1.367.584.028 | 808.512.991 |
| - Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác | - | 40.011.422.600 |
| | 1.367.584.028 | 40.819.935.591 |
| b) Dài hạn | | |
| - Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng | 36.865.162.057 | 9.945.550.193 |
| | 36.865.162.057 | 9.945.550.193 |

16 . PHẢI TRẢ KHÁC

| | 31/12/2015 | 01/01/2015 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| a) Ngắn hạn | | |
| - Kinh phí công đoàn | 1.351.187.456 | 909.187.198 |
| - Bảo hiểm xã hội | 45.237.672 | - |
| - Thuế TNCN thu thừa của cán bộ công nhân viên | 619.069.521 | 671.294.967 |
| - Phải trả Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước | - | 36.964.348.246 |
| - Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 83.532.600 | 57.982.600 |
| - Cổ tức, lợi nhuận phải trả | 130.320.000 | 808.210.000 |
| - Đặt cọc thực hiện dự án Trụ sở số 10 Trần Nguyên Hãn, Hà Nội | 20.000.000.000 | 20.000.000.000 |
| - Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Emic | 16.699.815.109 | - |
| - Các khoản phải trả, phải nộp khác | 77.971.735 | 110.266.735 |
| | 39.007.134.093 | 59.521.289.746 |
| b) Dài hạn | | |
| - Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn | 6.200.875.882 | 4.697.579.662 |
| | 6.200.875.882 | 4.697.579.662 |

17 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

| | 31/12/2015 | 01/01/2015 |
|---------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| - Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa | 35.489.024.271 | 34.139.544.070 |
| | 35.489.024.271 | 34.139.544.070 |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận chưa phân phối | Cộng |
|-----------------------------|------------------------------|-------------------------|------------------------|--------------------------|-----------------------------|--------------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Số dư đầu năm trước | 1.400.000.000.000 | - | (5.025.000.000) | 4.000.000.000 | 223.528.471.970 | 1.622.503.471.970 |
| Lãi trong năm trước | - | - | - | - | 231.033.049.379 | 231.033.049.379 |
| Phân phối lợi nhuận | - | - | - | 28.500.000.000 | (212.000.000.000) | (183.500.000.000) |
| Số dư cuối năm trước | 1.400.000.000.000 | - | (5.025.000.000) | 32.500.000.000 | 242.561.521.349 | 1.670.036.521.349 |
| Số dư đầu năm nay | 1.400.000.000.000 | - | (5.025.000.000) | 32.500.000.000 | 242.561.521.349 | 1.670.036.521.349 |
| Tăng vốn trong năm (*) | 150.000.000.000 | 66.378.000.000 | - | - | - | 216.378.000.000 |
| Lãi trong năm | - | - | - | - | 249.651.441.276 | 249.651.441.276 |
| Phân phối lợi nhuận | - | - | - | 29.500.000.000 | (213.055.000.000) | (183.555.000.000) |
| Số dư cuối năm này | 1.550.000.000.000 | 66.378.000.000 | (5.025.000.000) | 62.000.000.000 | 279.157.962.625 | 1.952.510.962.625 |

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 04/TBĐVN/NQ-ĐHCĐ ngày 24 tháng 04 năm 2015, Tổng Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2014 như sau:

| | Tỷ lệ | Số tiền |
|--|---------|-----------------|
| | % | VND |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 100,00% | 231.033.049.379 |
| Trích Quỹ đầu tư phát triển | 12,77% | 29.500.000.000 |
| Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 6,49% | 15.000.000.000 |
| Chi trả cổ tức (bằng 12% vốn điều lệ) | 72,46% | 167.400.000.000 |
| Trích Quỹ thưởng Ban điều hành | 0,50% | 1.155.000.000 |
| Lợi nhuận chưa phân phối | 7,78% | 17.978.049.379 |

(*) Trong năm, Tổng Công ty đã hoàn thành thủ tục tăng vốn theo phương thức chào bán cho cổ đông chiến lược là Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt với tổng số cổ phiếu chào bán thành công là 15.000.000 cổ phiếu, tương ứng với tổng giá trị theo mệnh giá là 1.500.000.000.000 đồng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

| | Tỷ lệ (%) | Cuối năm VND | Tỷ lệ (%) | Đầu năm VND |
|--------------------------------------|-------------|--------------------------|-------------|--------------------------|
| Vốn góp của Nhà nước | 0,00% | - | 87,17% | 1.220.448.000.000 |
| Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt | 9,68% | 150.000.000.000 | 0,00% | - |
| Các cổ đông khác | 90,00% | 1.395.000.000.000 | 12,47% | 174.552.000.000 |
| Cổ phiếu quỹ | 0,32% | 5.000.000.000 | 0,36% | 5.000.000.000 |
| | 100% | 1.550.000.000.000 | 100% | 1.400.000.000.000 |

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

| | Năm 2015 VND | Năm 2014 VND |
|---------------------------|-------------------|-------------------|
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 1.550.000.000.000 | 1.400.000.000.000 |
| - Vốn góp đầu năm | 1.400.000.000.000 | 1.400.000.000.000 |
| - Vốn góp tăng trong năm | 150.000.000.000 | - |
| - Vốn góp cuối năm | 1.550.000.000.000 | 1.400.000.000.000 |

d) Cổ phiếu

| | 31/12/2015 | 01/01/2015 |
|---|-------------|-------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 155.000.000 | 140.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 155.000.000 | 140.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 155.000.000 | 140.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ) | 500.000 | 500.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 500.000 | 500.000 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 154.500.000 | 139.500.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 154.500.000 | 139.500.000 |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND) | 10.000 | 10.000 |

e) Các quỹ Tổng công ty

| | 31/12/2015 VND | 01/01/2015 VND |
|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Quỹ đầu tư phát triển | 62.000.000.000 | 32.500.000.000 |
| | 62.000.000.000 | 32.500.000.000 |

19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

| | 31/12/2015 | 01/01/2015 |
|-----------------------|------------|------------|
| - Đồng đô la Mỹ (USD) | 18.692,00 | 127.048,24 |
| - Đồng Yên Nhật (JPY) | 33.000,00 | 33.000,00 |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | Năm 2015 | Năm 2014 |
|---|--------------------------|--------------------------|
| | VND | VND |
| Doanh thu bán thành phẩm | 702.585.145.135 | 654.609.145.254 |
| Doanh thu bán hàng hóa | 608.198.717.170 | 596.436.045.751 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 46.499.564.026 | 32.627.460.853 |
| | 1.357.283.426.331 | 1.283.672.651.858 |
| Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33.) | 681.156.221.089 | 652.911.280.516 |

21 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

| | Năm 2015 | Năm 2014 |
|---------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Hàng bán bị trả lại | 7.207.354.930 | 8.151.897.005 |
| | 7.207.354.930 | 8.151.897.005 |

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

| | Năm 2015 | Năm 2014 |
|---------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | VND | VND |
| Giá vốn của thành phẩm đã bán | 507.147.637.089 | 438.636.109.661 |
| Giá vốn của hàng hóa đã bán | 602.330.231.691 | 589.205.997.166 |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 29.879.426.539 | 17.321.693.507 |
| | 1.139.357.295.319 | 1.045.163.800.334 |

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | Năm 2015 | Năm 2014 |
|--|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Lãi tiền gửi, lãi cho vay | 23.504.403.723 | 26.978.035.178 |
| Lãi bán các khoản đầu tư | - | 595.000.000 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 130.149.758.911 | 124.450.799.773 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm | 936.650.066 | 171.074.430 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm | 1.558.574.765 | 2.874.061 |
| | 156.149.387.465 | 152.197.783.442 |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

| | Năm 2015 | Năm 2014 |
|---|--------------------|-------------------------|
| | VND | VND |
| Lãi tiền vay | 556.154.000 | 194.258.129 |
| Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính | - | 1.713.573.200 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm | 415.496.284 | 571.284.203 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm | - | 1.030.579 |
| Dự phòng tổn thất đầu tư | - | (16.609.555.800) |
| Chi phí tài chính khác | - | 270.740.000 |
| | 971.650.284 | (13.858.669.689) |

25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

| | Năm 2015 | Năm 2014 |
|-------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 1.980.426.567 | 14.251.134.052 |
| Chi phí nhân công | 1.367.984.102 | 975.690.496 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 11.735.227.046 | 13.372.150.477 |
| Chi phí khác bằng tiền | 4.103.128.598 | 2.351.985.930 |
| Chi phí bảo hành | 1.372.900.262 | 2.240.120.957 |
| | 20.559.666.575 | 33.191.081.912 |

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | Năm 2015 | Năm 2014 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 2.534.340.155 | 2.128.137.241 |
| Chi phí nhân công | 24.056.183.457 | 21.353.437.286 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 972.630.390 | 1.862.719.837 |
| Thuế, phí, lệ phí | 7.094.121.735 | 5.932.796.201 |
| Chi phí dự phòng | 6.001.385.210 | 6.146.690.625 |
| - Trích quỹ Phát triển khoa học và công nghệ | - | 4.000.000.000 |
| - Trích quỹ dự phòng tiền lương | 5.570.702.136 | 6.320.587.755 |
| - Trích dự phòng/hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi | 430.683.074 | (4.173.897.130) |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 11.105.492.580 | 7.638.151.675 |
| Chi phí khác bằng tiền | 10.398.824.768 | 10.209.496.680 |
| | 62.162.978.295 | 55.271.429.545 |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

| | Năm 2015 | Năm 2014 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 283.150.840.669 | 271.484.796.465 |
| Các khoản điều chỉnh tăng | 1.450.715.900 | 38.170.727.727 |
| - Chi phí không hợp lệ | 1.450.715.900 | 38.170.727.727 |
| Các khoản điều chỉnh giảm | (132.331.559.328) | (124.743.717.327) |
| - Cổ tức, lợi nhuận được chia | (130.149.758.911) | (124.450.799.773) |
| - Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm | (1.641.800.417) | - |
| - Chi phí quản lý năm 2014 đã tính thuế TNDN | (540.000.000) | - |
| - Các khoản nộp theo biên bản thanh tra thuế | - | (292.917.554) |
| Thu nhập tính thuế TNDN | 152.269.997.241 | 184.911.806.865 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 22%) | 33.499.399.393 | 40.680.597.510 |
| Chi phí thuế TNDN điều chỉnh giảm của năm 2013 | - | (228.850.424) |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 33.499.399.393 | 40.451.747.086 |
| Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào thuế TNDN hiện hành năm nay | 222.650.608 | 156.733.646 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm | 23.726.493.271 | 12.097.843.548 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm | (52.949.143.879) | (28.979.831.009) |
| Thuế TNDN phải nộp cuối năm | 4.499.399.393 | 23.726.493.271 |

28 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | Năm 2015 | Năm 2014 |
|----------------------------------|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 466.375.144.122 | 384.128.329.377 |
| Chi phí nhân công | 79.384.858.195 | 74.046.192.496 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 32.069.629.408 | 25.403.624.963 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 37.838.941.307 | 27.081.318.263 |
| Chi phí khác bằng tiền | 30.262.682.550 | 27.614.158.901 |
| | 645.931.255.582 | 538.273.624.000 |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

29 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Tổng Công ty bao gồm:

| | Giá trị số kế toán | | | |
|---------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | 31/12/2015 | | 01/01/2015 | |
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 121.223.651.001 | - | 328.491.195.250 | - |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 380.073.355.198 | (7.680.743.874) | 272.019.532.415 | (7.250.060.800) |
| Các khoản cho vay | 482.885.120.000 | - | 281.282.221.062 | - |
| | 984.182.126.199 | (7.680.743.874) | 881.792.948.727 | (7.250.060.800) |
| | | | Giá trị số kế toán | |
| | | | 31/12/2015 | 01/01/2015 |
| | | | VND | VND |
| Nợ phải trả tài chính | | | | |
| Phải trả người bán, phải trả khác | | | 257.941.715.381 | 267.790.000.678 |
| Chi phí phải trả | | | 351.500.000 | 388.000.000 |
| | | | 258.293.215.381 | 268.178.000.678 |

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Tổng Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Tổng Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Tổng Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Tổng Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tổng Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

| | Từ 1 năm trở xuống | Trên 1 năm đến 5 năm | Trên 5 năm | Cộng |
|------------------------------------|------------------------|-------------------------|------------|------------------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| Tại ngày 31/12/2015 | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 121.223.651.001 | - | - | 121.223.651.001 |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 372.392.611.324 | - | - | 372.392.611.324 |
| Các khoản cho vay | 482.885.120.000 | - | - | 482.885.120.000 |
| | <u>976.501.382.325</u> | <u>-</u> | <u>-</u> | <u>976.501.382.325</u> |
| Tại ngày 01/01/2015 | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 328.491.195.250 | - | - | 328.491.195.250 |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 264.703.423.615 | 66.048.000 | - | 264.769.471.615 |
| Các khoản cho vay | 281.282.221.062 | - | - | 281.282.221.062 |
| | <u>874.476.839.927</u> | <u>66.048.000</u> | <u>-</u> | <u>874.542.887.927</u> |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

| | Từ 1 năm trở xuống VND | Trên 1 năm đến 5 năm VND | Trên 5 năm VND | Cộng VND |
|--------------------------------------|------------------------------|--------------------------------|-------------------|------------------------|
| Tại ngày 31/12/2015 | | | | |
| Phải trả người bán, phải trả khác | 251.740.839.499 | 6.200.875.882 | - | 257.941.715.381 |
| Chi phí phải trả | 351.500.000 | - | - | 351.500.000 |
| | <u>252.092.339.499</u> | <u>6.200.875.882</u> | <u>-</u> | <u>258.293.215.381</u> |
| Tại ngày 01/01/2015 | | | | |
| Phải trả người bán, phải trả khác | 263.092.421.016 | 4.697.579.662 | - | 267.790.000.678 |
| Chi phí phải trả | 388.000.000 | - | - | 388.000.000 |
| | <u>263.480.421.016</u> | <u>4.697.579.662</u> | <u>-</u> | <u>268.178.000.678</u> |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

30 . THÔNG TIN KHÁC

Tháng 10 năm 2015, cổ phiếu của Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam chính thức giao dịch trên Sàn chứng khoán UPCOM - Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội với mã chứng khoán: GEX. Tháng 12 năm 2015, Cổ đông Nhà nước (Bộ Công Thương) đã thoái toàn bộ vốn đầu tư tại Tổng công ty.

31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**32 . BÁO CÁO BỘ PHẬN****Theo lĩnh vực kinh doanh**

| | Hoạt động sản xuất | Hoạt động thương mại | Hoạt động cung cấp dịch vụ | Tổng cộng các bộ phận | Loại trừ | Tổng cộng toàn doanh nghiệp |
|--|------------------------|------------------------|----------------------------|--------------------------|----------|-----------------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài | 702.452.685.135 | 601.123.822.240 | 46.499.564.026 | 1.350.076.071.401 | - | 1.350.076.071.401 |
| Chi phí bộ phận trực tiếp | 507.147.637.089 | 602.330.231.691 | 29.879.426.539 | 1.139.357.295.319 | - | 1.139.357.295.319 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 195.305.048.046 | (1.206.409.451) | 16.620.137.487 | 210.718.776.082 | - | 210.718.776.082 |
| Tổng chi phí mua TSCĐ | 48.491.689.477 | 41.496.758.917 | 3.209.956.296 | 93.198.404.690 | - | 93.198.404.690 |
| Tài sản bộ phận | 545.217.987.932 | 466.570.244.225 | 36.091.254.649 | 1.047.879.486.806 | - | 1.047.879.486.806 |
| Tài sản không phân bổ | - | - | - | 1.304.591.538.410 | - | 1.304.591.538.410 |
| Tổng tài sản | 545.217.987.932 | 466.570.244.225 | 36.091.254.649 | 2.352.471.025.216 | - | 2.352.471.025.216 |
| Nợ phải trả bộ phận | 196.034.054.939 | 167.756.124.915 | 12.976.671.998 | 376.766.851.852 | - | 376.766.851.852 |
| Nợ phải trả không phân bổ | - | - | - | 20.656.974.630 | - | 20.656.974.630 |
| Tổng nợ phải trả | 196.034.054.939 | 167.756.124.915 | 12.976.671.998 | 397.423.826.482 | - | 397.423.826.482 |

Theo khu vực địa lý

Hơn 90% hoạt động của Tổng Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Tổng Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

| | Mối quan hệ | Năm 2015 VND | Năm 2014 VND |
|--|--------------------|------------------------|------------------------|
| Doanh thu | | 681.156.221.089 | 652.911.280.516 |
| Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam | Công ty con | 570.920.260.544 | 568.343.486.184 |
| Công ty CP Thiết bị điện | Công ty liên kết | 12.520.597.680 | 18.661.045.750 |
| Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội | Công ty con | 8.697.244.120 | 6.071.904.320 |
| Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC | Công ty con | 58.587.141.625 | 42.222.892.357 |
| Công ty CP Khí cụ điện 1 | Công ty con | 2.369.314.500 | 3.084.846.000 |
| Công ty GELEX Cambodia (tên cũ Công ty CP Thiết bị Điện Việt Nam Cambodia) | Công ty con | 24.751.354.967 | 12.130.164.443 |
| Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương | Công ty con | 512.885.920 | - |
| Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội | Công ty liên kết | 2.325.494.500 | 1.936.141.500 |
| Công ty Dây đồng Việt Nam CFT | Công ty liên doanh | 471.927.233 | 460.799.962 |
| Mua hàng | | 694.856.476.333 | 598.031.502.753 |
| Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam | Công ty con | 3.133.644.387 | 3.848.145.349 |
| Công ty CP Thiết bị điện | Công ty liên kết | - | 32.748.000 |
| Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội | Công ty con | 110.423.793.474 | 422.308.000 |
| Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC | Công ty con | 124.141.279.511 | 68.869.011.594 |
| Công ty CP Khí cụ điện 1 | Công ty con | 4.999.200 | 16.999.000 |
| Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương | Công ty con | 4.205.140.000 | - |
| Công ty Dây đồng Việt Nam CFT | Công ty liên doanh | 452.947.619.761 | 524.842.290.810 |
| Công ty TNHH Một thành viên Cadivi Đồng Nai | (*) | 22.600.000.000 | - |
| Cho vay vốn | | 10.000.000.000 | 6.000.000.000 |
| Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC | Công ty liên kết | 10.000.000.000 | 6.000.000.000 |
| Thu hồi vốn cho vay | | 5.735.350.000 | - |
| Công ty CP Khí cụ điện 1 | Công ty con | 5.735.350.000 | - |
| Lãi cho vay vốn | | 8.025.124.225 | 8.562.124.156 |
| Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam | Công ty con | 5.700.000.000 | 5.937.500.000 |
| Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC | Công ty con | 458.333.333 | 282.833.333 |
| Công ty CP Khí cụ điện 1 | Công ty con | 253.683.692 | 432.415.267 |
| Công ty CP Kinh doanh Vật tư Thibidi | (*) | - | 229.055.556 |
| Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari | Công ty liên kết | 743.107.200 | 774.070.000 |
| Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương | Công ty con | 600.000.000 | 625.000.000 |
| Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội | Công ty liên kết | 270.000.000 | 281.250.000 |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

| | Mối quan hệ | Năm 2015 VND | Năm 2014 VND |
|--|--------------------|------------------------|------------------------|
| Cổ tức lợi nhuận được chia | | 130.149.758.911 | 124.450.799.773 |
| Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam | Công ty con | 56.165.472.000 | 56.165.472.000 |
| Công ty CP Thiết bị điện | Công ty liên kết | 19.548.160.000 | 19.548.160.000 |
| Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội | Công ty con | 29.720.250.000 | 29.720.250.000 |
| Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC | Công ty con | 765.000.000 | 816.000.000 |
| Công ty CP Khí cụ điện 1 | Công ty con | 3.470.080.000 | 3.470.080.000 |
| Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương | Công ty con | 3.049.388.600 | 2.092.717.667 |
| Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari | Công ty liên kết | 1.490.700.000 | 2.086.980.000 |
| Công ty Dây đồng Việt Nam CFT | Công ty liên doanh | 15.940.708.311 | 10.101.140.106 |
| Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội | Công ty liên kết | - | 450.000.000 |
| Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm: | | | |
| | Mối quan hệ | 31/12/2015 VND | 01/01/2015 VND |
| Phải thu ngắn hạn khách hàng | | 170.693.555.649 | 68.679.785.234 |
| Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam | Công ty con | 112.574.675.940 | 21.557.796.014 |
| Công ty CP Thiết bị điện | Công ty liên kết | 934.193.084 | 2.001.574.300 |
| Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội | Công ty con | 1.362.619.291 | 1.565.800.720 |
| Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC | Công ty con | 18.326.134.743 | 15.094.288.769 |
| Công ty CP Khí cụ điện 1 | Công ty con | 326.845.200 | 756.079.500 |
| Công ty GELEX Cambodia (tên cũ Công ty CP Thiết bị Điện Việt Nam Cambodia) | Công ty con | 33.308.028.708 | 24.502.388.331 |
| Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương | Công ty con | 101.157.133 | - |
| Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội | Công ty liên kết | 3.759.901.550 | 3.201.857.600 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | | 118.360.415.492 | 118.793.714.058 |
| Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam | Công ty con | 6.250.527.015 | 2.803.518.189 |
| Công ty CP Thiết bị điện | Công ty liên kết | - | 36.022.800 |
| Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội | Công ty con | 11.629.809.343 | - |
| Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC | Công ty con | - | 5.788.198.376 |
| Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội | Công ty liên kết | 107.520.000 | - |
| Công ty Dây đồng Việt Nam CFT | Công ty liên doanh | 75.512.559.134 | 110.165.974.693 |
| Công ty TNHH MTV Cadivi Đồng Nai | (*) | 24.860.000.000 | - |
| Phải thu vốn cho vay | | 137.885.120.000 | 133.620.470.000 |
| Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam | Công ty con | 95.000.000.000 | 95.000.000.000 |
| Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC | Công ty con | 16.000.000.000 | 6.000.000.000 |
| Công ty CP Khí cụ điện 1 | Công ty con | - | 5.735.350.000 |
| Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương | Công ty con | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 |
| Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội | Công ty liên kết | 4.500.000.000 | 4.500.000.000 |
| Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari | Công ty liên kết | 12.385.120.000 | 12.385.120.000 |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

| | <u>Mối quan hệ</u> | <u>31/12/2015</u> | <u>01/01/2015</u> |
|--|--------------------|-----------------------|----------------------|
| | | VND | VND |
| Phải thu lãi cho vay | | 5.045.706.096 | 1.349.765.563 |
| Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam | Công ty con | 2.850.000.000 | - |
| Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC | Công ty con | 278.333.333 | 175.500.000 |
| Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari | Công ty liên kết | 1.917.372.763 | 1.174.265.563 |
| Ứng trước tiền hàng | | 5.813.037.664 | 5.788.198.376 |
| Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC | Công ty liên kết | 5.735.060.102 | 5.788.198.376 |
| Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội | Công ty liên kết | 77.977.562 | - |
| Phải thu khác | | 11.081.987.000 | 130.586.149 |
| Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC | Công ty liên kết | - | 129.586.149 |
| Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari | Công ty liên kết | 1.000.000 | 1.000.000 |
| Công ty CP Khí cụ điện 1 | Công ty con | 6.123.660.000 | - |
| Công ty GELEX Cambodia (tên cũ Công ty CP Thiết bị Điện Việt Nam Cambodia) | Công ty con | 4.957.327.000 | - |
| Phải trả khác | | 16.699.815.109 | - |
| Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC | Công ty liên kết | 16.699.815.109 | - |

(*) Đây là các công ty con mà Tổng Công ty sở hữu gián tiếp thông qua các công ty con khác.

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

| | <u>Năm 2015</u> | <u>Năm 2014</u> |
|---|-----------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị | 4.321.100.000 | 4.310.500.000 |

05 C
 TY
 HỮU H
 M TOÁ
 SC
 4-TP H

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

34 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu năm nay.

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

| Mã số | Tên khoản mục | Số tiền | Mã số | Tên khoản mục | Số tiền | Thay đổi |
|-----------------------------|---|-----------------|-----------------------------|---|-----------------|-------------------|
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | | | BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN | | | |
| 121 | 1. Đầu tư ngắn hạn | 281.282.221.062 | 123 | 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 147.661.751.062 | (281.282.221.062) |
| 131 | 1. Phải thu khách hàng | 266.910.356.785 | 135 | 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 133.620.470.000 | 147.661.751.062 |
| 132 | 2. Trả trước cho người bán | 13.033.548.054 | 131 | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 266.910.356.785 | - |
| 135 | 5. Các khoản phải thu khác | 2.616.877.509 | 132 | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 13.033.548.054 | - |
| 158 | 5. Tài sản ngắn hạn khác | 2.442.334.401 | 136 | 6. Phải thu ngắn hạn khác | 5.043.127.630 | 2.426.250.121 |
| 139 | 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | (7.250.060.800) | 139 | 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 16.084.280 | 16.084.280 |
| 154 | 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 9.632.950 | 155 | 5. Tài sản ngắn hạn khác | - | (2.442.334.401) |
| 218 | 4. Phải thu dài hạn khác | - | 137 | 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | (7.250.060.800) | - |
| 268 | 3. Tài sản dài hạn khác | 66.048.000 | 153 | 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 9.632.950 | - |
| 230 | 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 301.443.683.009 | 216 | 6. Phải thu dài hạn khác | 66.048.000 | 66.048.000 |
| | | | 268 | 4. Tài sản dài hạn khác | - | (66.048.000) |
| | | | 242 | 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 301.443.683.009 | (301.443.683.009) |
| | | | | | | 301.443.683.009 |



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

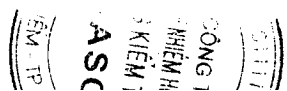
Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

34 SỐ LIỆU SO SÁNH (tiếp theo)

| Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 | | | Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC | | | |
|---|--|-------------------|--|---|-------------------|------------------|
| Mã số | Tên khoản mục | Số tiền | Mã số | Tên khoản mục | Số tiền | Thay đổi |
| 312 | 2. Phải trả người bán | 203.571.131.270 | 311 | 2. Phải trả người bán ngắn hạn | 203.571.131.270 | - |
| 313 | 3. Người mua trả tiền trước | 3.224.788.793 | 312 | 3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 3.224.788.793 | - |
| 314 | 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 24.031.264.051 | 313 | 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 24.031.264.051 | - |
| 315 | 5. Phải trả người lao động | 30.130.004.009 | 314 | 5. Phải trả người lao động | 30.130.004.009 | - |
| 316 | 6. Chi phí phải trả | 388.000.000 | 315 | 6. Chi phí phải trả ngắn hạn | 388.000.000 | - |
| | | | 318 | 9. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 40.819.935.591 | 40.819.935.591 |
| 338 | 8. Doanh thu chưa thực hiện | 50.765.485.784 | 336 | 12. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 9.945.550.193 | (40.819.935.591) |
| 319 | 9. Các khoản phải trả, phải nộp khác | 59.521.289.746 | 319 | 10. Phải trả ngắn hạn khác | 59.521.289.746 | - |
| 323 | 11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 17.424.632.635 | 322 | 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 17.424.632.635 | - |
| 333 | 3. Phải trả dài hạn khác | 4.697.579.662 | 337 | 6. Phải trả dài hạn khác | 4.697.579.662 | - |
| 337 | 7. Dự phòng phải trả dài hạn | 34.139.544.070 | 342 | 11. Dự phòng phải trả dài hạn | 34.139.544.070 | - |
| 339 | 9. Quỹ phát triển khoa học công nghệ | 9.255.000.000 | 343 | 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 9.255.000.000 | - |
| 411 | 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 1.400.000.000.000 | 411 | 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 1.400.000.000.000 | - |
| | | | 411a | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 1.400.000.000.000 | - |
| 414 | 4. Cổ phiếu quỹ | (5.025.000.000) | 415 | 5. Cổ phiếu quỹ | (5.025.000.000) | - |
| 417 | 7. Quỹ đầu tư phát triển | 22.000.000.000 | 418 | 8. Quỹ đầu tư phát triển | 32.500.000.000 | 10.500.000.000 |
| 418 | 8. Quỹ dự phòng tài chính | 10.500.000.000 | | | | (10.500.000.000) |
| 420 | 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 242.561.521.349 | 421 | 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 242.561.521.349 | - |
| | | | 421a | - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 11.528.471.970 | - |
| | | | 421b | - LNST chưa phân phối kỳ này | 231.033.049.379 | - |
| 432 | 1. Nguồn kinh phí | (1.437.626.564) | 431 | 1. Nguồn kinh phí | (1.437.626.564) | - |
| 433 | 2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | 2.691.202.777 | 432 | 2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ | 2.691.202.777 | - |



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

34 SỐ LIỆU SO SÁNH (tiếp theo)

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

| Mã số | Tên khoản mục | Số tiền | Mã số | Tên khoản mục | Số tiền | Thay đổi |
|---|---------------------------------|----------------|---|---------------------------------|----------------|----------|
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 24 | 8. Chi phí bán hàng | 33.191.081.912 | 25 | 8. Chi phí bán hàng | 33.191.081.912 | - |
| 25 | 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 55.271.429.545 | 26 | 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 55.271.429.545 | - |

Đoàn Thị Lan Phương

Người lập

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2016

Phạm Tuấn Anh

Kế toán trưởng



Nguyễn Trọng Tiêu

Tổng Giám đốc

